TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2023/DS-ST
Ngày: 26 - 4 - 2023
V/v tranh chấp "Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hồng

2. Ông Ngô Văn Được

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Bá Thi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang – Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 443/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2023/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 174/2023/QĐST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ (sau đây viết tắt là Ngân hàng); địa chỉ: Số A P, Phường C, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng: Ông Nguyễn Thanh T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thanh T: Ông Phạm Hữu T1, sinh năm 1968, chức vụ: Giám đốc phòng G (Quyết định số 163/QĐ-DAB-HĐQT-PC ngày 08/8/2022).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Hữu T1: Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1989; chức vụ: Nhân viên phát triển kinh doanh - Phòng G; địa chỉ: Số F N, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang (Quyết định V/v ủy quyền tham gia tố tụng ngày 26/12/2022) (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Phùng Thị Kim H, sinh năm 1964; địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1963; địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết nguyên đơn do ông Nguyễn Thành L đại diện trình bày:

Vào ngày 23/5/2017, bà Phùng Thị Kim H và Ngân hàng có ký kết Hợp đồng tín dụng số 00865451/0131644001T17090, theo đó, Ngân hàng cho bà Phùng Thị Kim H vay số tiền 20.000.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng (từ ngày 23/5/2017 đến ngày 23/5/2018); mục đích vay: Bổ sung vốn kinh buôn bán cá; lãi suất trong hạn là 10%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tương ứng 15%/năm; phương thức thanh toán: nợ gốc và lãi mà bên vay phải góp 12 kỳ, cụ thể 11 kỳ đầu là 1.840.000 đồng, kỳ cuối là 1.760.000 đồng; biện pháp đảm bảo: Vay tín chấp có bảo lãnh. Cùng ngày, Ngân hàng đã giải ngân toàn bộ số tiền 20.000.000 đồng cho bà H.

Ngoài ra, vào 03/5/2017, Ngân hàng và bà Phùng Thị Kim H cùng ông Nguyễn Văn H1 có ký kết giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn. Theo đó, ông Nguyễn Văn H1 cam kết trường hợp bà Phụng Thị Kim H2 không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ hàng kỳ cho Ngân hàng thì ông H1 sẽ trả nợ thay cho bà H2 cho đến khi hết nợ tại Ngân hàng. Trong trường hợp ông H1 không trả nợ, ông Hòa đồng ý để Ngân hàng có quyền trích từ tài khoản tiền gửi và/hoặc tài sản gửi khác của cá nhân ông H1 tại Ngân hàng để thu hồi nợ vay.

Trong quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay, tính đến ngày 03/11/2022, bà H2 đã trả được số tiền là 15.240.000 đồng, trong đó, tiền vốn gốc là 14.163.078 đồng, lãi trong hạn là 1.076.922 đồng.

Tính đến ngày 03/11/2022, bà H2 còn nợ lại Ngân hàng số tiền tạm tính là 13.696.033 đồng, cụ thể gồm: Vốn gốc là 5.836.922 đồng; lãi trong hạn là 923.078 đồng; lãi quá hạn là 6.936.033 đồng.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu như sau:

Yêu cầu bà Hoàn trả tổng số tiền tạm tính đến ngày 03/11/2022 là 13.696.033 đồng (trong đó: Vốn gốc là 5.836.922 đồng; lãi trong hạn 923.078 đồng; lãi quá hạn là 6.936.033 đồng) và lãi phát sinh từ ngày 04/11/2022 cho đến khi bà Phùng Thị Kim Hoàn t hết nợ cho Ngân hàng theo lãi suất được quy định tại Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00865451/0131644001T1790 ngày 23/5/2017.

Trường hợp bà Phùng Thị Kim H không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì ông Nguyễn Văn H1 phải trả nợ thay cho bà Phùng Thị Kim H cho đến khi hết nợ vay tại Ngân hàng.

Ngân hàng xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bà Phùng Thị Kim H có nghĩa vụ trả nợ gốc với số tiền là 1.380.000 đồng và phí thường niên duy trì thẻ với số tiền 210.000 đồng.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phùng Thị Kim H trình bày: Bà H có ký với Ngân hàng Hợp đồng tín dụng số 00865451/0131644001T17090 ngày 23/5/2017 để vay số tiền 20.000.000 đồng. Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, ông Nguyễn Văn H1 có cam kết trả nợ thay bà H khi bà H không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ. Quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến tháng 3/2020, bà H đã trả được số tiền 15.240.000 đồng, trong đó: Vốn gốc là 14.163.078 đồng, lãi trong hạn là 1.076.922 đồng. Bà H còn nợ lại Ngân hàng số tiền vốn gốc là 5.836.922 đồng, lãi trong hạn là 923.078 đồng. Việc bà H thanh toán nợ cho Ngân hàng là do bà Hoàn t trực tiếp cho Ngân hàng, không có thông qua người trung gian. Nay bà H đồng ý trả nợ theo yêu cầu của Ngân hàng nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần số tiền còn nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H1 vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn do ông Nguyễn Thành L đại diện trình bày:

Ngày 23/5/2017, Ngân hàng với bà Phùng Thị Kim H có xác lập Hợp đồng tín dụng số 00865451/0131644001T1790, theo đó, Ngân hàng cho bà Phùng Thị Kim H vay số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng (từ ngày 23/5/2017 đến ngày 23/5/2018); mục đích vay: Bổ sung vốn mua bán cá; lãi suất trong hạn là 10%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tương ứng 15%/năm; phương thức thanh toán: nợ gốc và lãi mà bên vay phải góp 12 kỳ; biện pháp đảm bảo thực hiện nghĩa vụ: Vay tín chấp có bảo lãnh, ông Nguyễn Văn H1 là người bảo lãnh cho bà Phùng Thị Kim H. Sau khi được Ngân hàng giải ngân số tiền vay 20.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng, tính đến ngày 24/3/2020, bà Phùng Thị Kim H đã trả được tổng số tiền 15.240.000 đồng (trong đó, tiền vốn gốc là 14.163.078 đồng, lãi trong hạn là 1.076.922 đồng) thì không thanh toán nợ vay cho Ngân hàng theo thỏa thuận cho đến nay. Tính đến ngày 26/4/2023, bà Phùng Thị Kim H còn nợ Ngân hàng vốn gốc là 5.836.922 đồng và lãi là 5.799.093 đồng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu bà Phùng Thị Kim Hoàn t nợ vốn và lãi tính đến ngày 26/4/2023 với tổng số tiền là 11.636.015 đồng (gồm: Vốn gốc 5.836.922 đồng, lãi trong hạn là 923.078 đồng; lãi quá hạn là 4.876.015 đồng) và lãi phát sinh kể từ ngày 27/4/2023 cho đến khi trả hết nợ theo Hợp đồng tín dụng số 00865451/0131644001T1790 ngày 23/5/2017. Trường hợp bà Phùng Thị Kim H không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì ông Nguyễn Văn H1 phải trả nợ thay cho bà H cho đến khi hết nợ.

Xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu buộc bà Phùng Thị Kim H có nghĩa vụ trả vốn gốc với số tiền 1.380.000 đồng và phí thường niên duy trì thẻ với số tiền 210.000 đồng.

Bị đơn bà Phùng Thị Kim H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H1 vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã làm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án:

- Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với yêu cầu buộc bà Phùng Thị Kim H có nghĩa vụ trả vốn gốc với số tiền 1.380.000 đồng và phí thường niên duy trì thẻ với số tiền 210.000 đồng;

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Buộc bà Phùng Thị Kim Hoàn t nợ vốn và lãi tính đến ngày 26/4/2023 với tổng số tiền là 11.636.015 đồng (gồm: Vốn gốc 5.836.922 đồng, lãi trong hạn là 923.078 đồng; lãi quá hạn là 4.876.015 đồng) và lãi phát sinh kể từ ngày 27/4/2023 cho đến khi trả hết nợ theo Hợp đồng tín dụng số 00865451/0131644001T1790 ngày 23/5/2017. Trường hợp bà Phùng Thị Kim H không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì ông Nguyễn Văn H1 phải trả nợ thay cho bà H3.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Phùng Thị Kim Hoàn t nợ theo Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết; chủ thể tham gia giao dịch (bà Phùng Thị Kim H) không có đăng ký kinh doanh nên là tranh chấp về dân sự. Đồng thời, bà Phùng Thị Kim H (bị đơn) có nơi cư trú tại ấp M, xã N, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Đối với bà Phùng Thị Kim H và ông Nguyễn Văn H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng trong vụ án nhưng vắng mặt không có lý do trong quá trình tố tụng tại Tòa án và không có ý yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Đồng thời, tại phiên tòa, bà Phùng Thị Kim H và ông Nguyễn Văn H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ

điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Phùng Thị Kim H và ông Nguyễn Văn H1.

[1.3] Tại phiên tòa, Ngân hàng bổ sung yêu cầu buộc bà Phùng Thị Kim H có nghĩa vụ trả số tiền lãi tính đến ngày 26/4/2023 là 5.799.093 đồng. Xét thấy, việc bổ sung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc bổ sung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng để xem xét, giải quyết trong vụ án.

[1.4] Tại phiên tòa, Ngân hàng rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bà Phùng Thị Kim H có nghĩa vụ trả nợ gốc với số tiền 1.380.000 đồng và phí thường niên duy trì thẻ với số tiền 210.000 đồng. Xét thấy, việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là sự tự nguyện của đương sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với yêu cầu buộc bà Phùng Thị Kim H có nghĩa vụ trả nợ gốc với số tiền 1.380.000 đồng và phí thường niên duy trì thẻ với số tiền 210.000 đồng.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu của Ngân hàng buộc bà Phùng Thị Kim H có nghĩa vụ trả tổng số tiền 11.636.015 đồng, gồm: nợ gốc 5.836.922 đồng, tiền lãi tính đến ngày 26/4/2023 là 5.799.093 và lãi phát sinh kể từ ngày 27/4/2023 cho đến khi trả hết nợ theo Hợp đồng tín dụng số 00865451/0131644001T1790 ngày 23/5/2017, Hội đồng xét xử xét thấy: Ngân hàng căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 00865451/0131644001T1790 ngày 23/5/2017 được ký kết giữa Ngân hàng với bà Phùng Thị Kim H để yêu cầu bà Phùng Thị Kim H có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc còn nợ và lãi phát sinh cho Ngân hàng do bà Phùng Thị Kim H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ mà Ngân hàng và bà Phùng Thị Kim H đã giao kết trong Hợp đồng tín dụng. Bà Phùng Thị Kim H thừa nhận còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 5.836.922 đồng và đồng ý trả nợ theo yêu cầu của Ngân hàng. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, có đủ căn cứ xác định giữa Ngân hàng với bà Phùng Thị Kim H có xác lập Hợp đồng tín dụng số 00865451/0131644001T1790 ngày 23/5/2017 và bà Phùng Thị Kim H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như lời trình bày của Ngân hàng.

Xét thấy, việc xác lập Hợp đồng tín dụng trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức của Hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật, là Hợp đồng hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo Hợp đồng đã giao kết. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, bà Phùng Thị Kim H thanh toán tiền nợ gốc và lãi đối với khoản vay đến ngày 24/3/2020 thì không tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận, làm phát sinh nợ quá hạn nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, việc Ngân hàng yêu cầu bà Phùng Thị Kim H có nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi tính đến ngày 26/4/2023 với tổng số tiền 11.636.015 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 27/4/2023 cho đến khi trả hết nợ theo Hợp đồng tín dụng số

00865451/0131644001T1790 ngày 23/5/2017 là phù hợp với thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng mà các bên đã giao kết; Điều 280; Điều 357; Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7; Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn H1 có nghĩa vụ trả nợ thay cho bà Phùng Thị Kim H trong trường hợp bà Phùng Thị Kim H không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ Đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn ngày 03/5/2017, để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của bà Phùng Thị Kim H cho Ngân hàng, ông Nguyễn Văn H1 cam kết với Ngân hàng sẽ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bà Phùng Thị Kim H nếu khi đến thời hạn trả nợ mà bà Phùng Thị Kim H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ. Việc Ngân hàng với ông Nguyễn Văn H1 xác lập hợp đồng bảo lãnh là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định tại Điều 335, 336 Bộ luật Dân sự năm 2015 và bà Phùng Thị Kim H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng như đã phân tích ở trên nên yêu cầu của Ngân hàng buộc ông Nguyễn Văn H1 thực hiện nghĩa vụ được bảo lãnh trong trường hợp bà bà Phùng Thị Kim H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng là phù hợp quy định tại Điều 342 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí:

[3.1] Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[3.2] Bà Phùng Thị Kim H có nghĩa vụ trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nên bà Phùng Thị Kim H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho Ngân hàng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều 26, 35, 39, 147, 227, 244, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 280, 335, 336, 342, 357, 463 và 466 Bộ luật Dân sự 2015;

Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ về việc yêu cầu bà Phùng Thị Kim H có nghĩa vụ trả nợ gốc với số tiền 1.380.000 (một triệu, ba trăm tám mươi nghìn) đồng và phí thường niên duy trì thẻ với số tiền 210.000 (hai trăm mười nghìn) đồng.

[2] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

Buộc bà Phùng Thị Kim H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ nợ gốc và lãi của khoản vay như sau:

Nợ gốc: 5.836.922 (năm triệu, tám trăm ba mươi sáu nghìn, chín trăm hai mươi hai) đồng.

Tiền lãi tính đến ngày 26/4/2023 là 5.799.093 (năm triệu, bảy trăm chín mươi chín nghìn, không trăm chín mươi ba) đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 00865451/0131644001T1790 ngày 23/5/2017 kể từ ngày 27/4/2023 cho đến khi bà Phùng Thị Kim H thanh toán xong nợ.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ thì lãi suất mà bà Phùng Thị Kim H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

Trường hợp bà Phùng Thị Kim H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ thì ông Nguyễn Văn H1 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ đối với số tiền mà bà Phùng Thị Kim H còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phùng Thị Kim H phải chịu 581.000 (năm trăm tám mươi mốt nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 350.000 (ba trăm năm mươi nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0013027 ngày 06/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

[5] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Phước Sang